

Bản án số: 10/2024/HS-ST
Ngày: 09-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thanh Tiền

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Văn Vô

Bà Trần Thị Tuyết

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tùng Lâm – Thư ký Toà án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đầu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 105/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2023, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 124/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Nhật T, sinh ngày 28 tháng 6 năm 1969 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 1 T, Phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: tổ C, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Công C; Con bà: Nguyễn Thị T1; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 10/3/1986, bị Công an quận B bắt đưa đi tập trung cải tạo về tội hình sự, qua xác minh, sổ sách năm 1986 đã bị thất lạc, không rõ hình thức xử lý; Ngày 07/7/1990, bị Công an Q bắt về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ngày 06/8/1990, bị đưa đi cưỡng bức lao động 12 tháng tại trại T, Sông B; Ngày 29/10/1992, bị Công an huyện L, tỉnh Đồng Nai bắt về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, không rõ hình thức xử lý.

Ngày 13/11/1996 bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, đến ngày 09/4/2002 chấp hành xong án phạt tù, không tìm thấy hồ sơ thi hành án dân sự.

Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã và bị tạm giữ từ ngày 10/6/2022 đến ngày 19/6/2022 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trương Minh H, Văn phòng Luật sư

Huỳnh Minh L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: F N, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Nguyễn Thị T1 (mẹ ruột bị cáo T), sinh năm 1949; Nơi cư trú: 1 T, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị hại: Ông Trương Chí T2, sinh năm 1981; Nơi cư trú: 5/23/3 P, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ T3, sinh năm 1969; Nơi cư trú: tổ A, khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

2. Ông Trương Chí T4, sinh năm 1985; Nơi cư trú: 1 T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Nhật T và ông Trương Chí T2 là bạn bè quen biết với nhau ngoài xã hội. Vào khoảng 16 giờ ngày 15/4/2007, ông T2 đang đậu xe gắn máy, biển số 51H3-9629 tại giao lộ T - T, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh để chạy xe Honda ôm thì T đến hỏi mượn xe của ông T2 để về quê thăm mẹ bị bệnh và hẹn 22 giờ cùng ngày sẽ trả lại xe ông T2. Do tin tưởng, nên ông T2 đồng ý giao xe cho T mượn. Đến ngày 24/4/2007, không thấy T quay trả lại xe như đã hứa nên ông T2 đến Công an P, Quận E trình báo sự việc.

Đến ngày 02/5/2007, ông T2 đi tìm T tại phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì gặp T và bà Nguyễn Thị Lệ T3 đang sử dụng xe gắn máy biển số 51H3-9629 của ông T2, nên ông T2 yêu cầu bà T3 đưa lại xe và cùng với T đến Công an phường A để giải quyết. Khi đang làm việc tại Công an phường A, lợi dụng sự sơ hở của Công an nên T đã bỏ trốn. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành truy nã và đến ngày 10/6/2022 bắt được T.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1, Trần Nhật T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda Wave RS, biển số 51H3-9629, số máy: C09E-6466562; số khung: Y-467311.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 74/KL-HĐĐGTS ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân Quận E kết luận: Xe gắn máy hiệu Honda (Giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0222637), biển số 51H3-9629, đã qua sử dụng, tỷ lệ mới 75%, tại thời điểm tháng 4 năm 2007 có giá 9.000.000 đồng/chiếc (Chín triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Trương Chí T2 đã nhận lại xe mô tô biển số 51H3-9629 và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại. Bà Nguyễn Thị Lệ T3 đã

nhận số tiền bồi thường 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) nên không có yêu cầu gì khác.

Tại bản kết luận giám định tình trạng sức khỏe số 26/KLGĐSK-TTPY.2023 ngày 04/10/2023 của Trung tâm giám định pháp y Thành phố H kết luận: Trần Nhật T nghe kém tiếp nhận sâu hai tai; chuyên khoa T5-M-Họng chưa ghi nhận bất thường tình trạng nói.

Bản cáo trạng số: 87/CT-VKS ngày 28/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Nhật T về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm aKhoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Nhật T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 140; điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo Trần Nhật T với mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù; về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; về vật chứng xử lý theo quy định pháp luật.

Luật sư Trương Minh H là người bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Quận E đã truy tố bị cáo Trần Nhật T về tội danh và điều luật áp dụng. Luật sư bào chữa nêu một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại Trương Chí T2 đã nhận lại tài sản và có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo phạm tội đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Lệ T3; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bản thân bị cáo đang bị bệnh và có khiếm khuyết về thể chất; có nơi cư trú rõ ràng và một thời gian dài bị cáo trốn truy nã nhưng bị cáo không có phạm tội mới thể hiện bị cáo không còn nguy hiểm cho xã hội nữa. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, g, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xét xử bị cáo hình phạt nhẹ, không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định, xem xét cho bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ để bị cáo có thời gian điều trị bệnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến: Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà người bào chữa nêu đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo không có ý kiến bào chữa, không tranh luận.

Bị cáo có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên các lời khai vì lý do sức khỏe nên không có ý kiến bào chữa, không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 5, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Trần Nhật T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 15/4/2007, Trần Nhật T mượn xe gắn máy hiệu Honda biển số 51H3-9629 của ông Trương Chí T2 để về quê thăm mẹ của T, do tin tưởng ông T2 đã giao chiếc xe cho bị cáo T mượn. Sau khi mượn được xe, T đã về quê ở Tiền Giang thăm mẹ của T, sau đó bị cáo T có hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô bằng cách mang xe đi cầm cho bà Nguyễn Thị Lệ T3 được 6.000.000 đồng rồi tiêu xài cá nhân hết. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 74/KL-HĐĐGTS ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân Quận E kết luận: Xe gắn máy hiệu Honda, biển số 51H3-9629 có giá 9.000.000 đồng (chín triệu đồng). Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Nhật T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Do hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện vào ngày 15/4/2007 có đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009), có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm thấp hơn với mức hình phạt của tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Nên khi xét xử sẽ áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để xét xử đối với bị cáo.

Đối với các quy định về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, căn cứ quyết định hình phạt và xử lý vật chứng thì áp dụng các quy định pháp luật hiện hành theo hướng có lợi cho bị cáo.

Xét bị cáo là người trưởng thành, có đủ khả năng nhận biết được hành vi của mình, biết hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự xã hội ở địa phương. Do đó, cần phải có một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; nhằm mục đích giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại đã có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Lệ T3. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Căn cứ Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội có nhân thân xấu, từng bị Tòa án xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản nên cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù với một thời gian nhất định để có thể cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo phạm tội nhưng khó khăn về kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[8] Đối với bà Nguyễn Thị Lệ T3 do không biết nguồn gốc xe gắn máy biển số 51H3-9629 do Trần Nhật T chiếm đoạt mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa đủ cơ sở để xử lý đối với bà T3 là có căn cứ.

[9] Đối với lời trình bày bào chữa của Luật sư nêu như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại Trương Chí T2 đã nhận lại tài sản và có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo phạm tội đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Lệ T3; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bản thân bị cáo đang bị bệnh và có khiếm khuyết về thể chất là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xem xét.

[10] Về vật chứng: 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda Wave RS, biển số 51H3-9629, số máy: C09E-6466562; số khung: Y-467311, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi trả lại cho ông Trương Chí T2 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Trương Chí T2 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường và bà Nguyễn Thị Lệ T3 đã được bồi thường thiệt hại, không có cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Trần Nhật T 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ trước đây từ ngày 10/6/2022 đến ngày 19/6/2022.

Tiếp tục duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 48/2023/HSST-LCĐKNCT ngày 27/11/2023 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Trần Nhật T cho đến khi bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật phí và lệ phí.

Bị cáo chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TpHCM;
- Sở Tư pháp TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5;
- Cơ quan CSĐT Công an Quận 5;
- Phòng PV 06-Công an TpHCM;
- Bộ phận THA HS Tòa án Quận 5;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thanh Tiền